

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2022/DS-ST

Ngày 17-11-2022

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản
là tiền chung vốn cải tạo tàu cá*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm

Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/11/2022 và ngày 17/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền chung vốn cải tạo tàu cá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 07/01/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS, ngày 17/02/2022; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 09/2022/QĐST-DS, ngày 17/3/2022; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 839/2022/QĐST-DS, ngày 19/8/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 916/2022/QĐST-DS, ngày 15/9/2022; thông báo tiếp tục phiên tòa số 1056/TB-TA, ngày 14/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2022/QĐST-DS, ngày 27/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Võ L, sinh năm 1970; bà Trần Thị H, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Vĩnh T, xã Phổ C, thị xã Đức Ph, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: ông Võ L, sinh năm 1967; bà Thái Thị D, sinh năm 1973; trú tại: Tổ dân phố Thạnh Đ, phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: 198 Trần Quang Kh, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Giám đốc Chi nhánh Quảng Ng. Địa chỉ: số 345, Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng

Ông Võ Văn L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu C; chức vụ: Trưởng

phòng giao dịch Đức Phổ - Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi; Địa chỉ: số 266 đường Nguyễn Ngh, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 07 đường Đỗ Quang Thắng, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Vũ Bảo, Chấp hành viên.

3. Bà Văn Thị Kim L, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Tuyết D, xã Bình Th, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TNCP N có mặt; Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ và bà Văn Thị Kim L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ L, bà Trần Thị H trình bày:

Giữa ông Võ L và ông Võ L là anh em chú bác ruột nên tin tưởng nhau; vào khoảng tháng 04/2019 giữa vợ chồng ông Võ L và vợ chồng ông Võ L cùng nhau thỏa thuận tại nhà ông Võ Đ (cũng là anh em nhà chú nhà bác với ông L); vợ chồng ông Võ L thỏa thuận với vợ chồng ông Võ L góp chung vốn để cải tạo tàu cá QNg – 94530-TS từ nghề kéo sang nghề câu.

Cụ thể: Vợ chồng ông L, bà D là chủ sở hữu tàu cá mang số hiệu QNg – 94530-TS đăng ký hành nghề khai thác thủy sản là kéo đôi (tàu giã cào), nhưng khai thác không hiệu quả nằm bờ; vợ chồng ông L có vốn (tiền) nên thỏa thuận ông L bỏ vốn sửa chữa, cải tạo lại tàu cá QNg – 95430 từ nghề kéo thành tàu câu cá ngư đại dương (câu cá Bù Gù); hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản. Tàu tại thời điểm chung vốn có giá là 600.000.000 đồng; vợ chồng ông L chịu toàn bộ chi phí đầu tư sửa chữa, cải tạo đến khi hoàn tất thành tàu câu thì mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ giá trị tàu; đối với phần ông L góp chưa đủ thì có nghĩa vụ góp thêm bằng tiền cho ông L - bà D cho đủ $\frac{1}{2}$ giá trị tàu.

Được sự đồng ý của vợ chồng ông L nên ngày 21/5/2019 ông L lái tàu QNg-94530TS đến xí nghiệp đóng tàu Tam Quan, thuộc phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tiến hành sửa chữa, cải tạo. Ông L thuê hợp đồng bằng miệng với nhân công tại cơ sở đóng tàu và mua các vật tư, cụ thể:

Thuê ông Huỳnh Thanh L kéo tàu lên và xuống ụ để sửa chữa, cải tạo số tiền 4.500.000 đồng; thuê ông Nguyễn C làm mộc vá dặm những chỗ hư hỏng (bằng gỗ) số tiền 15.000.000 đồng; thuê ông Ngô Đa Q làm keo thân vỏ tàu số tiền 20.000.000 đồng; thuê ông Đào Duy S làm cối xây đá, trục câu, bánh lái, tăng áp, hai ống bơm (ống xả) 50.000.000 đồng; thuê ông Nguyễn Văn T bổ sung mới máy điện (mục đích phát điện cho tàu câu) giá 100.000.000 đồng; thuê ông Nguyễn Văn H làm mới dàn điện số tiền 83.100.000 đồng (ông H mua và lắp

đặt); mua của ông Huỳnh Hữu L các vật tư sơn, ốc vít, vật dụng đóng hầm cá số tiền 50.000.000 đồng; thuê ông Võ Ngọc B (tên thường gọi C) làm hồ xảm (làm lại các triền tàu cho nước không vào bên trong khoang máy) số tiền 16.000.000 đồng; mua của ông Võ L 01 cái dù (mục đích neo tàu hoặc điều khiển tàu chạy nhanh, chậm) và các dụng cụ dây neo số tiền 65.720.000 đồng; mua của bà Trương Trần Kiều Ng vật tư cần câu, cước (vật dụng câu) số tiền 35.000.000 đồng; thuê bà Phạm Thị C mua 01 nhả tin phục vụ đánh bắt cá là 30.000.000 đồng và làm hồ sơ thiết kế cải hoán tàu cá số tiền 29.000.000 đồng, tổng cộng là 59.000.000 đồng; thuê ông Phạm Minh Th làm điện, bình ắc quy, sửa chữa các dụng cụ điện bị hư hỏng số tiền 25.000.000 đồng; thuê ông Huỳnh Quốc V sửa chữa máy chính của tàu giá 31.220.000 đồng. Tổng các chi phí để sửa chữa, cải tạo là 554.540.000 đồng.

Đến khoảng tháng 6/2019 hoàn tất công việc sửa chữa, cải tạo và làm thủ tục đăng ký cải hoán (đăng ký chuyển đổi ngành nghề khai thác) thì vợ chồng ông L, bà D thông báo tàu cá đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch Đức Phổ, Ngân hàng không cho rút hồ sơ chính giấy đăng ký tàu cá và khoản vay đang trong tình trạng nợ quá hạn. Từ đó vợ chồng ông L không hợp tác với vợ chồng ông L để hai bên cùng nhau tính toán tổng số tiền mà ông L đã chi phí cho việc sửa chữa, cải tạo tàu.

Mặc dù không xin phép cơ quan có thẩm quyền về cải hoán tàu cá nhưng ông L vẫn chạy tàu này đi khai thác (chạy tàu đi đánh bắt chui, không xin phép cơ quan biên phòng ra vào cảng) được 03 chuyến biển nhưng không có hiệu quả kinh tế, đến khoảng tháng 9/2019 về neo đậu tại cảng cá Sa Huỳnh, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, đến khoảng tháng 10/2019 ông L lái tàu về neo tại cầu Thạnh Đức, phường Phổ Thạnh.

Tại thời điểm thỏa thuận chung vốn (tháng 4/2019) thì vợ chồng ông L không thông báo cho vợ chồng ông L biết về tình trạng tàu đang thế chấp; không đưa cho ông các giấy tờ về đăng ký tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, vợ chồng ông không biết tàu cá QNg – 94530TS đang thế chấp cho Ngân hàng. Do nợ quá hạn nên Ngân hàng xử lý bán thu hồi nợ, khi bán tài sản ông L, bà D không thông báo cho vợ chồng ông biết.

Nay nguyên đơn ông Võ L, bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ L, bà Thái Thị D trả lại số tiền 554.540.000 đồng mà vợ chồng ông L, bà H đã bỏ ra để chi phí cho việc sửa chữa, cải tạo tàu cá QNg 94530-TS.

Theo văn bản trình bày ý kiến, các bên bản ghi lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ L, bà Thái Thị D trình bày;

Ông L, bà D là chủ sở hữu tàu cá số hiệu QNg 94530-TS; tàu cá này đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch Đức Phổ theo hợp đồng thế chấp số 94/2016/HĐTC.ĐP, ngày 02/3/2016. Tuy nhiên, quá trình làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên nợ quá hạn.

Do không có vốn để tiếp tục đầu tư khai thác và không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên khoảng tháng 04/2019 giữa ông L, bà D thỏa thuận bán tàu cá này cho vợ chồng ông L với giá 600.000.000 đồng; hình thức bán chịu trong thời gian 03 tháng phải trả đủ tiền. Khoảng tháng 5/2019 ông L lấy tàu về khai thác; tàu cá lúc bán là tàu kéo (tàu giã cào), ông L nói chạy khai thác lấy tiền dầu của nhà nước hỗ trợ để trả dần, nhưng mãi đến tháng 10/2019 vẫn không trả tiền nên ông L lấy tàu về neo đậu tại cầu Thạnh Đức, phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ đến khi Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ bán trả nợ cho Ngân hàng vào tháng 6/2020.

Trong thời gian ông L lấy tàu sử dụng, khai thác đã bỏ ra các khoản chi phí để sửa chữa, cải tạo như thế nào thì ông, bà không biết; không được nghe ông L thông báo về việc sửa chữa, cải tạo tàu và giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông L không thỏa thuận chung vốn cải tạo tàu mà bán chịu tàu cá cho vợ chồng ông L như trình bày trên.

Tháng 10/2019 vợ chồng ông L không trả tiền mua tàu cá nên ông L nhờ ông Võ Minh H chạy tàu về neo tại cầu Thạnh Đức, phường Phổ Thạnh thì tàu vẫn như hiện trạng tàu kéo, không gì thay đổi gì về thiết kế, kết cấu đến khi Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ kê biên đã kiểm tra tàu đúng như hiện trạng ghi tại giấy phép đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Do đó, vợ chồng ông không đồng ý trả số tiền 554.540.000 đồng cho ông L, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày;

1. Ông Nguyễn Hữu C, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày:

Ngày 20/12/2018 vợ chồng ông Võ L, bà Thái Thị D vay vốn của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 1154/2018/NHNT.ĐP ngày 20/12/2018; số tiền vay 1.400.000.000 đồng; có thể chấp tàu cá QNg – 94530-TS theo hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016, tàu đăng ký nghề chính là nghề kéo đôi; tài sản thế chấp do ông Võ L quản lý, khai thác, sử dụng trong thời gian thế chấp. Ngoài ra còn thế chấp tàu cá QNg 94520-TS và thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19 thuộc Thôn Thạnh Đức 2, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; Diện tích 250m² đều thuộc quyền sở hữu của ông L, bà D ; toàn bộ khoản vay quá hạn nên ngày 01/10/2019 Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông Võ L , bà Thái Thị D đến Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Theo Quyết định sự công nhận thỏa thuận của đương sự số 03/2020/QĐST-DS ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 307/QĐCCTHADS ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ; theo đó, tài sản thế chấp là tàu cá QNg 94530 –TS theo hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016, tàu đăng ký nghề chính là nghề kéo đôi, tài sản này do ông Võ Lê quản lý, khai thác, sử dụng trong suốt quá trình thế chấp.

Theo quy định tại mục 5.3.3 Điều 5 Hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016 quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp là:

không được bán, cải tạo, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn liên doanh bằng tài sản thế chấp, cho nên trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng mà bên thế chấp thực hiện hành vi chuyển nhượng hoặc góp vốn là vi phạm hợp đồng.

Từ khi hợp đồng thế chấp ngày 02/3/2016 có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành án xong các nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng không biết ông Võ L, bà H góp vốn để cải tạo tàu cá QNg - 94530; đến khi Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên bán phát mãi cũng không có ai tranh chấp tàu cá này. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng trình bày; trường hợp trong quá trình khai thác tàu cá bị xuống cấp hoặc hư hỏng thì có quyền sửa chữa để làm tăng giá trị của tài sản thế thì Ngân hàng đồng ý.

Ngày 26/6/2020 bà D, ông L thỏa thuận bán tàu cá QNg 95430 - TS cho bà Văn Thị Kim L và Ngân hàng thu hồi nợ xong, xóa thế chấp, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ trình bày;

Theo Quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự số 03/2020/QĐST-DS ngày 02/3/2020 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 307/QĐCCTHADS ngày 06/5/2020; tàu cá QNg 94530 –TS theo hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016 đã bị Chi cục thi hành án kê biên bán đấu giá theo quy định, sau khi kê biên thì các bên đương sự đã thỏa thuận được việc mua bán giữa các bên gồm Ngân hàng; vợ chồng ông Võ và bà Văn Thị Kim L. Ngày 26/6/2020 các bên lập hợp đồng mua bán tàu cá đã được công chứng hợp pháp, Ngân hàng đã thu hồi nợ xong; Chi cục thi hành án gỡ kê biên; qua kiểm tra tàu cá QNg- 94530-TS trước khi Chi cục thi hành án kê biên thì tàu cá được đăng ký hành nghề chính là nghề kéo đòi có hiện trạng như thể hiện trên giấy đăng ký tàu cá.

Trong quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và xử lý tài sản bảo đảm là tàu cá QNg-94530 thì không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có yêu cầu tranh chấp về thi hành án. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền sửa chữa, cải tạo tàu cá QNg 95430 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Bà Văn Thị Kim Loan trình bày;

Vào ngày 26/6/2020 bà có mua lại tàu cá QNg 95430-TS của ông Võ L, bà Thái Thị D với giá 400.000.000 đồng; việc mua bán tàu cá đã được cơ quan công chứng chứng hợp pháp; tại thời điểm mua bán không ai tranh chấp và tàu mua là tàu kéo (tàu giã cào) có hiện trạng như ghi trong giấy đăng ký tàu cá do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 26/02/2016. Khi mua trên tàu có 01 máy chính số máy B11256, công suất 380 CV. Ngoài ra trên tàu không có trang thiết bị nào khác. Việc tranh chấp đòi lại tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án xem xét theo luật định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng là chưa đúng pháp luật bởi lý do:

Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19 phường Phổ Thạnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 389414 cấp ngày 08/11/2006 ông Lê, bà Diễm đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 06/2015/HĐTC ngày 05/01/2015 có giá trị tại thời điểm thế chấp là 715.000.000 đồng; Khi cơ quan thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ kê biên định giá là 1.312.062.703 đồng. Bà D, ông L chuyển nhượng cho bà Trần Thị B vào ngày 17/12/2020 thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng có giá là 100.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 luật Công chứng năm 2014; Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai thì việc chuyển nhượng QSDĐ có hiệu lực pháp luật và việc chuyển nhượng này bà D, ông L để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà không phải tẩu tán.

Khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án xác định giá trị tương đương với nghĩa vụ phải thi hành án là chưa đúng, trong khi nghĩa vụ phải thi hành án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là 554.540.000 đồng mà giá trị tài sản phong tỏa thực tế giữa bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng giữa ông L, bà D với và Trần Thị B là 1.200.000.000 đồng. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và trả lại tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông L, bà H.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án chưa xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ tàu cá QNg- 94530-TS. Chưa làm rõ các mâu thuẫn nội dung Công văn số 08, ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ với nội dung làm việc với ông Võ Minh H ngày 28/10/2022; mâu thuẫn lời khai của nguyên đơn với người làm chứng về số tiền nguyên đơn đã trả trong hợp đồng cải tạo tàu cá nên Kiểm sát viên chưa có

đủ tài liệu chứng cứ để phát biểu về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiếp tục xác minh thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] ông Võ L, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ L, bà Thái Thị D cùng địa chỉ thường trú tại phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi trả tiền chung vốn cải tạo tàu cá. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Đối với những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt, nhưng họ đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Võ L, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ L, bà Thái Thị D có nghĩa vụ trả lại tiền chung vốn để cải tạo tàu cá QNg – 94530-TS số tiền là 554.540.000 đồng; Bị đơn cho rằng không chung vốn cải tạo tàu cá mà bán tàu cá theo hình thức bán chịu cho vợ chồng ông L với giá 600.000.000 đồng, thời hạn giao tiền là 03 tháng kể từ ngày giao tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Vào khoảng tháng 04/2019 giữa vợ chồng ông Võ L và vợ chồng ông Võ L cùng thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản tại nhà ông Võ Đ, trú tại tổ dân phố Thạnh Đức 2, phường Phổ Thạnh. Tòa án đã xác minh, làm việc, đối chất giữa ông Đ với vợ chồng ông L thì ông Đúng xác định vào khoảng tháng 4/2019 có chứng kiến việc thỏa thuận giữa vợ chồng ông L với vợ chồng ông Võ L về việc kéo tàu cá về Tam Quan, Bình Định để tu bổ, làm nước, gắn máy điện và các dụng cụ để làm nghề câu cá ngừ đại dương (tục cá bù gù), nên ngày 21/5/2019 ông L lái tàu đến xí nghiệp đóng tàu Tam Quan, thuộc phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định để thuê (hợp đồng bằng miệng) một số cá nhân tiến hành sửa chữa, cải tạo tàu cá từ tàu hành nghề kéo sang nghề câu hết tổng số tiền là 554.540.000 đồng; việc cải tạo, sửa chữa tàu cá QNg-94530-TS có những người làm chứng gồm ông (bà) Nguyễn C; Ngô Đa Q; Đào Duy S; Nguyễn Văn Th; Nguyễn Văn H; Huỳnh Hữu L; Võ Ngọc B ; Võ L; Trương Trần Kiều Ng; Huỳnh Thanh L; Phạm Thị C; Phạm Minh Th và Huỳnh Quốc V xác nhận. Như vậy, việc sửa chữa, cải tạo tàu cá là có thực.

[2.2] Xét giao dịch dân sự về việc chung vốn để cải tạo tàu cá QNg – 94530-TS giữa ông L, bà H với ông L, bà D:

Về tình trạng pháp lý tàu cá: Tàu cá QNg – 94530TS chủ sở hữu là ông Võ L, bà Thái Thị D đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016. Tại mục 5.3.3 Điều 5 Hợp đồng quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp là: *“không được bán, cải tạo, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn liên doanh bằng tài sản thế chấp”*.

Theo quy định tại Điều 177 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự *“giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây.....c/ Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội”*.

Tại điều 123 Bộ luật dân sự quy định: Giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật *“Điều cấm của pháp luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”*.

Căn cứ các quy định nêu trên thì giao dịch dân sự giữa vợ chồng ông L với chồng ông L về việc chung vốn để cải tạo tàu cá QNg-94530TS bị vô hiệu do vi phạm quy định tại mục 5.3.3 Điều 5 Hợp đồng tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016.

Tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: *“Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập;*

Giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả những gì đã nhận; trường hợp không thể hoàn trả bằng hiện vật thì giá trị bằng tiền để hoàn trả”

[2.3] Vợ chồng ông Võ L đã bỏ ra các chi phí để cải tạo tàu cá số tiền là 554.540.000 đồng; trong đó gồm chi phí sửa chữa và chi phí cải tạo, cụ thể:

Chi phí sửa chữa tàu số tiền 111.720.000 đồng gồm: Thuê ông Huỳnh Thanh L kéo tàu lên ụ và kéo tàu xuống ụ số tiền 4.500.000 đồng; thuê ông Nguyễn C làm mộc vá lại vị trí hư hỏng (bằng gỗ) số tiền 15.000.000 đồng; thuê ông Ngô Đa Q làm keo thân vỏ tàu số tiền 20.000.000 đồng; thuê ông Võ Ngọc B (tên thường gọi C) làm hồ xảm (các triên tàu cho nước không vào bên trong khoang) số tiền 16.000.000 đồng; thuê ông Phạm Minh Th làm lại các dụng cụ điện bị hư hỏng số tiền 25.000.000 đồng; thuê ông Huỳnh Quốc V sửa chữa máy chính của tàu giá 31.220.000 đồng.

Chi phí cải tạo tàu số tiền là 442.820.000 đồng bao gồm: Thuê ông Đào Duy S làm cối xây đá, trục cầu, bánh lái, tăng áp, hai ống bơ (ống xả) 50.000.000 đồng; thuê ông Nguyễn Văn Th bổ sung mới máy điện (mục đích phát điện) giá 100.000.000 đồng; thuê ông Nguyễn Văn H làm điện, số tiền 83.100.000 đồng; thuê ông Huỳnh Hữu L các vật tư gồm: sơn, ốc, vít, vật dụng đóng hầm cá số tiền 50.000.000 đồng; mua của ông Võ L 01 cái dù (mục đích

neo tàu hoặc điều khiển tàu chạy nhanh, chậm), dụng cụ dây và các vật dụng khác số tiền 65.720.000 đồng; mua của bà Trương Trần Kiều Ng vật tư cần câu, cước (vật dụng câu) số tiền 35.000.000 đồng; bà Phạm Thị C mua 01 nhả tin phục vụ đánh bắt cá là 30.000.000 đồng và hồ sơ thiết kế cải hoán 29.000.000 đồng (nhưng không xi phép cải hoán được), tổng cộng là 59.000.000 đồng.

[2.4] Như đã nhận định trên, giao dịch dân sự cải tạo tàu cá bị vô hiệu, nhưng giao dịch về sửa chữa tàu có hiệu lực, bởi lẽ: theo hợp đồng thế chấp, bên thế chấp tài sản có quyền sửa chữa, thay thế khắc phục các chi tiết khi tài sản thế chấp bị hư hỏng, xuống cấp để làm tăng giá trị của tài sản thế chấp và việc sửa chữa được bên nhận thế chấp đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn các chi phí sửa chữa tàu với số tiền là 111.720.000 đồng.

[2.5] Đối với giao dịch về cải tạo tàu cá số tiền là 442.820.000 đồng bị vô hiệu. Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 thì Giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả những gì đã nhận; trường hợp không thể hoàn trả bằng hiện vật thì giá trị bằng tiền để hoàn trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Trên cơ sở đơn khởi kiện ghi ngày 01/10/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khởi kiện ông Võ L, bà Thái Thị D yêu cầu trả nợ vay, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là tàu cá QNg – 94530TS tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 11/02/2020 ghi nhận tàu cá QNg – 94530TS có hiện trạng như hợp đồng thế chấp tài sản số 94/2016/HĐTC.ĐP ngày 02/3/2016 (bút lục số 245). Đến giai đoạn thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ lập biên bản xác minh hiện trạng tài sản bảo đảm tàu cá QNg – 94530TS ngày 02/6/2020 ghi nhận hiện trạng là tàu kéo, số máy 01; công suất 380CV, ngoài ra trên tàu không có trang thiết bị nào khác (bút lục số 240). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh làm việc với bà Văn Thị Kim L là người mua lại tàu QNg – 94530TS đã xác định hiện trạng là tàu kéo; trên tàu không có các trang thiết bị nào khác ngoài máy chính và thân vỏ tàu. Cơ quan thi hành án dân sự đã thụ lý, tổ chức thi hành án và xử lý tài sản bảo đảm tàu cá này thì không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tranh chấp. Như vậy, tài sản bên nguyên đơn đầu tư cải tạo không còn tồn tại trên tàu kể từ thời điểm Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp; kê biên, bán, nên bị đơn không có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị hoặc hiện vật cho nguyên đơn và lỗi quản lý tài sản cải tạo thuộc về nguyên đơn trong việc quản lý tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền chi phí để cải tạo tàu là 442.820.000 đồng.

[3] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi về yêu cầu “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án đã thông báo cho bên bị áp dụng xác định giá trị tài sản bị áp dụng, nhưng bên bị áp dụng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Tòa án căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất để xác định giá trị là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định:

Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19 phường Phổ Thạnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 389414 cấp ngày 08/11/2006 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Võ L, bà Thái Thị D nhưng thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 06/2015/HĐTC ngày 05/01/2015; tại thời điểm thế chấp được định giá là 715.000.000 đồng; Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ kê biên, bán đấu giá thu hồi nợ; Cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá thửa đất này có giá là 1.312.000.000 đồng; trong khi nghĩa vụ tài sản mà người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ phải thực hiện theo đơn khởi kiện là 554.540.000 đồng. Như vậy, theo quy định Điều 12 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về xác định giá trị tương đương khi phong tỏa tài sản, nên Tòa án xác định giá trị tương đương để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa đúng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; ông L, bà H nhận lại tài sản bảo đảm bằng tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sa Huỳnh số tiền là 230.000.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời là có căn cứ; Đối với đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ là không có căn cứ:

Đối với yêu cầu Tòa án tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ tàu cá QNg-94530-TS; như đã nhận định trên, tại thời điểm Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/02/2020; Chi cục thi hành án dân sự lập biên bản xác minh hiện trạng tài sản bảo đảm ngày 02/6/2020 đều ghi nhận hiện trạng là tàu kéo, ngoài ra trên tàu không có trang thiết bị nào khác; bà Văn Thị Kim L là người mua lại tàu cá của QNg – 94530TS xác định hiện trạng là tàu kéo; trên tàu không có các trang thiết bị nào khác ngoài máy chính và thân vỏ tàu, nên không cần thiết phải tổ chức xem xét, thẩm định tài sản tranh chấp.

Đối với lời khai của nguyên đơn với người làm chứng có mâu thuẫn về số tiền mà nguyên đơn đã trả trong quá trình sửa chữa, cải tạo tàu cá. Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ làm việc với những người tham gia sửa chữa, cải tạo tàu cá thì có một số người bà H, ông L đã trả xong; còn một số người chưa trả nhưng họ không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền mà vợ chồng ông L, bà H còn nợ, trường hợp ông L, bà H không trả thì họ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông L, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 442.820.000 đồng (20.000.000

đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) là 21.712.800 đồng.

Bị đơn ông L, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 111.720.000 đồng x 5% là 5.586.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 138, Điều 227, Điều 229 Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 116, 117, 122, 123, 131, 275 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ L, bà Trần Thị H:

Buộc Võ L, bà Thái Thị D phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ L, bà Trần Thị H chi phí sửa chữa tàu cá QNg-94530TS số tiền là 111.720.000 đồng (một trăm mười một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu trả lại chi phí cải tạo tàu cá QNg-94530TS số tiền là 442.820.000 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số 66/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; ông Võ L, bà Trần Thị H được nhận lại số tiền bảo đảm 230.000.000 đồng (*hai trăm ba mươi triệu đồng*) tại tài khoản phong tỏa số 4513205045375, chủ tài khoản Võ L, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, địa chỉ: phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ L, bà Thái Thị D phải chịu 5.586.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ L, bà Trần Thị H phải chịu 21.712.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hậu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Huỳnh Tiến Bộ

Trần Thị Hội

Trần Thanh Sang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

TÒA

- VKSND huyện Đức Phổ;

- Chi Cục THADS huyện Đức Phổ;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Thanh Sang